TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16-9-2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Mỹ Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Văn

Bà Đặng Thị Thu

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 93/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2024 về "*Ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thành phố Đồng, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần A, sinh năm 1957; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Q, thành phố Đồng, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ cần báo tin: Số 171 Nguyễn H, Khóm 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đ; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Ninh, thị xã Đ, tỉnh Bình Trị Thiên (nay là thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình) vào năm 1982. Sau khi kết hôn, vì điều kiện công việc của mỗi người nên vợ chồng ít có thời gian sống gần nhau. Tính thời gian từ khi kết hôn đến nay, cuộc sống vợ chồng chỉ hòa thuận, đầm ấm

được một quãng thời gian rất ngắn vào thời điểm mới kết hôn, về sau thì liên tục phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng sống ly thân kéo dài hơn 20 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn là tính cách, quan điểm sống của vợ chồng quá khác biệt, vợ chồng không có sự sẽ chia, tin tưởng nhau về cả tình cảm lẫn kinh tế. Thời gian sống cùng nhau quá ít dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, hạnh phúc gia đình lâu ngày không có điều kiện vun đắp, xây dựng nên bà và ông A không có được một gia đình hạnh phúc trọn vẹn. Thời gian sống ly thân quá dài, hiện tại bà nhận thấy vợ chồng thực sự không còn tình cảm dành cho nhau, hạnh phúc gia đình không còn khả năng hàn gắn nên bà có yêu cầu ly hôn ông Trần A để ổn định cuộc sống cho mỗi người.

- Về quan hệ con chung: Bà và ông Trần A có 03 (ba) người con chung, gồm: Trần Đức T1, sinh ngày: 22/2/1984, Trần Thanh T2, sinh ngày: 19/10/1990 và Trần Thị Thu H, sinh ngày: 20/8/1993. Hiện cả ba người con đã trưởng thành và sống tự lập, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ngày 07/7/2024, bà Lê Thị T có yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất của thửa đất số 566, tờ bản đồ số 8, diện tích: 198,7m^2; địa chỉ thửa đất tại thôn Tây Phú, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo Giấy CNQSD Đất, số vào sổ cấp GCN: CH01535 do UBND thành phố Đồng Hới cấp ngày 13/10/2017 mang tên ông Trần A, bà Lê Thị T.

Ngày 10/8/2024, bà Lê Thị T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự trong vụ án.

Tại Bản tự khai và đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt lập ngày 10/8/2024 gửi cho Tòa án, bị đơn ông Trần A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu, kết hôn và đăng ký kết hôn và sống chung của vợ chồng như bà Lê Thị T trình bày là đúng thực tế. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian đầu. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ hơn 20 năm cho đến nay. Trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, thiếu sự quan tâm, chia sẽ với nhau về những khó khăn trong cuộc sống. Ông cũng nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không còn cơ hội để hàn gắn hành phúc gia đình nên hiện nay bà Thú có yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Ông Trần A cũng xác định vợ chồng có 03 (ba) người con chung như trình bày của bà Lê Thị T. Các con của ông, bà nay đã trưởng thành, có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung, công nợ chung*:* Quá trình sống chung, vợ chồng ông có tạo lập được tài sản chung như bà Thú trình bày. Trường hợp bà Thú có yêu cầu phân chia tài sản chung thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì điều kiện, hoàn cảnh hiện tại ông không thể có mặt thường xuyên ở địa phương để tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa giải quyết vụ án "Ly hôn" của vợ chồng ông được, ông để nghị Tòa án không tổ chức các phiên hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt mình.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Lê Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với ông Trần A, không có yêu cầu xem xét về phần tài sản chung và con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T, đây là vụ án "Ly hôn", bị đơn ông Trần A có hộ khẩu thường trú tại thôn Tây Phú, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc tham gia tố tụng của đương sự:

Xét thấy quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần A đã có Bản tự khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trần A vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị T và ông Trần A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Ninh, thị xã Đồng Hới, tỉnh Bình Trị Thiên (nay là thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình) vào năm 1982 nên đây được xác

định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ hơn 20 năm nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không có sự liên lạc, quan tâm nhau thường xuyên, thiếu sự sẽ chia, gắn bó cùng nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Hiện cả bà Thú và ông A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không ai có nguyện vọng hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà Thú và ông A như hiện nay là trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, ông A đã gửi cho Tòa bản tự khai có nội dung đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Thú. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thú, xử cho bà Thú được ly hôn ông Trần A là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Căn cứ lời trình bày thống nhất của bà Lê Thị T và ông Trần A về con chung; căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do bà Thú giao nộp, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng bà Thú và ông A có 03(ba) người con chung, gồm: Trần Đức Thuận, sinh ngày: 22/2/1984, Trần Thanh Thuyến, sinh ngày: 19/10/1990 và Trần Thị Thu Hương, sinh ngày: 20/8/1993. Hiện cả ba người con đã trưởng thành và sống tự lập, các đương sự không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, ngày 10/8/2024 nguyên đơn bà Lê Thị T rút yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

[3]. Về án phí:

Nguyên đơn bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà Thú là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Lê Thị T.

Bị đơn ông Trần A không phải chịu án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều

39; Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điều 244, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Áp dụng: Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị T được ly hôn ông Trần A.

1.2. Về con chung: Xác định bà Lê Thị T và ông Trần A có 03 (ba) người con chung, gồm: Trần Đức Thuận, sinh ngày: 22/2/1984, Trần Thanh Thuyến, sinh ngày: 19/10/1990 và Trần Thị Thu Hương, sinh ngày: 20/8/1993, bà Thú và ông A không yêu cầu giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản chung của vợ chồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn nộp do thuộc đối tượng người cao tuổi, bị đơn ông Trần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- UBND xã Lộc Ninh, TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Mỹ Hạnh